

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ 1
MÔN CÔNG NGHỆ 11
Năm học 2023 - 2024

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

- Câu 1: Đâu không phải là vai trò của chăn nuôi đối với đời sống kinh tế - xã hội?
- Cung cấp thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
 - Cung cấp các tế bào, mô, cơ quan, động vật sống cho các nghiên cứu khoa học
 - Cung cấp sức kéo cho canh tác, khai thác, vận chuyển.
 - Cung cấp thiết bị, máy móc cho các ngành nghề khác.
- Câu 2: Đâu là vai trò của chăn nuôi đối với đời sống kinh tế - xã hội?
- Phục vụ cho tham quan, du lịch, lưu giữ nét văn hóa truyền thống.
 - Cung cấp thiết bị cho các ngành nghề khác.
 - Thúc đẩy sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống.
 - Giảm sức lao động, tăng năng suất và tiết kiệm tài nguyên.
- Câu 3: Triển vọng của ngành chăn nuôi là:
- Thu hút nhiều nhà đầu tư quốc tế.
 - Hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bền vững.
 - Ngày càng có nhiều nhân lực, nhân công có trình độ.
 - Mở rộng quy mô lớn, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- Câu 4: Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành chăn nuôi?
- Chăn nuôi kết hợp với trồng trọt tạo ra nền nông nghiệp bền vững.
 - Vật nuôi vốn là động vật hoang dã được con người thuần dưỡng,
 - Chăn nuôi là ngành cổ xưa nhất của nhân loại hơn cả trồng trọt
 - Vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế hiện đại càng bị nhỏ lại.
- Câu 5: Các nước đang phát triển ngành chăn nuôi chưa trở thành ngành chính là do:
- Thị trường tiêu thụ hạn chế
 - Dịch vụ thú y, giống còn hạn chế
 - Cơ sở thức ăn không ổn định
 - Lao động thiếu kinh nghiệm sản xuất.
- Câu 6: Đâu không phải triển vọng của ngành chăn nuôi ở Việt Nam?
- Chăn nuôi hữu cơ
 - Phát triển chăn nuôi nông hộ
 - Phát triển chăn nuôi trang trại
 - Liên kết giữa các khâu chăn nuôi, giết mổ và phân phối
- Câu 7: Ý nào dưới đây không phải là triển vọng ngành chăn nuôi của nước ta?
- Sản xuất hàng hóa theo mô hình khép kín.
 - Áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển bền vững.
 - Tạo ra sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
 - Chăn nuôi bằng phương thức chăn thả hoàn toàn.
- Câu 8: Đặc điểm cơ bản của nghề chăn nuôi là?
- Nghiên cứu về giống vật nuôi
 - Chuẩn đoán, điều trị và tiêm phòng bệnh cho vật nuôi
 - Tổ chức và thực hiện các hoạt động chăn nuôi
 - Nghiên cứu và tư vấn đề cải tiến các kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc cho thủy sản
- Câu 9: Chăn nuôi là một phần thuộc lĩnh vực nào dưới đây?
- Công nghiệp.
 - Nông nghiệp.
 - Thương mại.
 - Dịch vụ.
- Câu 10: Phát biểu nào dưới đây là không đúng về vai trò của chăn nuôi?

- A. Sản phẩm chăn nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, là nguồn cung cấp dinh dưỡng quan trọng cho con người.
 B. Phát triển chăn nuôi góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
 C. Chất thải vật nuôi là nguồn phân hữu cơ quan trọng, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trồng trọt.
 D. Sản phẩm chăn nuôi là nguồn cung cấp lương thực chính cho con người.
- Câu 11: Công nghệ nào không phải là công nghệ ứng dụng để xử lý chất thải?
 A. Đệm lót sinh học
 B. Biogas
 C. Ủ phân
 D. Robot dọn vệ sinh
- Câu 12: Loại máy móc nào sau đây có thể thay thế Trâu trong canh tác?
 A. Máy cày
 B. Máy xúc
 C. Máy tuốt lúa
 D. Máy bơm
- Câu 13: Tác dụng của các loại cảm biến trong chăn nuôi là:
 A. Theo dõi các chỉ số của vật nuôi, môi trường.
 B. Theo dõi được thói quen sinh hoạt và chế độ ăn uống của vật nuôi
 C. Phát hiện bệnh dịch và chữa các loại bệnh đơn giản
 D. Điều chỉnh các yếu tố môi trường khi phát hiện có sự chênh lệch lớn.
- Câu 14: Nghề nào sau đây không thuộc những ngành chăn nuôi phổ biến ở nước ta?
 A. Bác sĩ thú y
 B. Nghiên cứu di truyền học và sinh vật học ở vật nuôi.
 C. Nhà tư vấn nuôi trồng thủy sản
 D. Nghề chọn và tạo giống
- Câu 15: Ý nào sau đây không phải là yêu cầu cơ bản đối với người lao động làm việc trong ngành chăn nuôi?
 A. Có kiến thức, kỹ năng về chăn nuôi và kinh tế
 B. Có khả năng áp dụng công nghệ, vận hành các thiết bị công nghệ cao trong sản nuôi, sản xuất
 C. Có khả năng linh hoạt sáng tạo, giải quyết các vấn đề phát sinh trong khi sử dụng máy móc công nghệ cao
 D. Chăm chỉ trong công việc
- Câu 16: Trong tương lai, xu hướng phát triển ngành chăn nuôi của Việt Nam và trên thế giới là?
 A. Tập trung vào chất lượng và an toàn thực phẩm
 B. Đa dạng hóa sản phẩm và giá trị gia tăng
 C. Tập trung vào chất lượng, an toàn thực phẩm và đa dạng hóa sản phẩm.
 D. Chỉ tập trung vào số lượng sản phẩm.
- Câu 17: Nuôi gà có thể cung cấp những sản phẩm nào sau đây?
 1. Sữa
 2. Trứng
 3. Thịt
 4. Súc kéo
 5. Phân hữu cơ
 6. Lông vũ.
 A. 1, 2, 3, 5.
 B. 2, 3, 5, 6.
 C. 2, 3, 4, 5.
 D. 1, 2, 5, 6.
- Câu 18: Thiết bị nào sau đây không phải thiết bị tự động dùng trong chăn nuôi công nghệ cao.
 A. Quạt điện
 B. Robot dọn chuồng
 C. Robot đẩy thức ăn
 D. Máy vắt sữa
- Câu 19: Đâu không phải là công nghệ cao được đưa vào áp dụng trong chăn nuôi?
 A. Quạt điện trong chuồng gà.
 B. Các cảm biến trong chuồng lợn

- C. Công nghệ thi giác máy tính nhận diện khuôn mặt bò
- D. Thiết bị cảm biến đeo cổ cho bò

Câu 20: Ở một số trang trại, người ta cho bò nghe nhạc nhằm mục đích?

- A. Bò sống khỏe và lâu hơn.
- B. Kháng bệnh.
- C. Bò tiết sữa nhiều hơn, chất lượng tốt hơn.
- D. Tăng sức ăn cho bò.

Câu 21: Các phương thức chăn nuôi bò sữa chủ yếu ở nước ta là ?

- A. Chăn thả tự do
- B. Chăn nuôi bán chăn thả
- C. Chăn nuôi công nghiệp
- D. Chăn nuôi bán công nghiệp

Câu 22: Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào là đặc điểm của chăn thả tự do?

- A. Tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên và phụ phẩm nông nghiệp
- B. Số lượng vật nuôi lớn, vật nuôi được nhốt hoàn toàn trong chuồng trại.
- C. Mức đầu tư cao
- D. Vật nuôi được nhốt trong lồng kết hợp sân vườn.

Câu 23: Nguồn gốc của các loại vật nuôi hiện nay là?

- A. Động vật hoang dã được con người thuần hóa
- B. Có sẵn trong tự nhiên
- C. Do con người nghiên cứu tạo ra bằng công nghệ
- D. Do chọn lọc tự nhiên

Câu 24: Hạn chế của chăn thả tự do là gì ?

- A. Mức đầu tư thấp
- B. Tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên và phụ phẩm nông nghiệp
- C. Năng suất thấp, hiệu quả kinh tế thấp
- D. Ít gây ô nhiễm môi trường

Câu 25: Căn cứ nào sau đây là một trong các căn cứ để phân loại vật nuôi?

- A. Kích thước
- B. Nguồn gốc
- C. Giới tính
- D. Khối lượng

Câu 26: Căn cứ nào sau đây không là một trong các căn cứ để phân loại vật nuôi

- A. Nguồn gốc
- B. Mục đích sử dụng
- C. Đặc điểm hình thái
- D. Đặc tính sinh vật học

Câu 27: Từ động vật hoang dã trở thành vật nuôi, động vật trải qua quá trình gì?

- A. Cho ăn
- B. Huấn luyện
- C. Thuần hóa
- D. Chọn lọc

Câu 28: Trong các con vật dưới đây, loài nào có thể là vật nuôi?

- A. Bọ xít
- B. Mèo
- C. Chó sói
- D. Hươu cao cổ

Câu 29: Trong các con vật dưới đây, loài nào không phải là vật nuôi?

- A. Chim
- B. Heo
- C. Mèo
- D. Cáo

Câu 30: Những loại vật nuôi nào phù hợp với phương thức nuôi công nghiệp?

- A. Gà, vịt, lợn
- B. Trâu, bò
- C. Ong
- D. Cừu, dê

Câu 31: Một trong các điều kiện để một nhóm vật nuôi được công nhận là giống vật nuôi là?

- A. Các đặc điểm về ngoại hình và năng suất khác nhau
- B. Có một số lượng cá thể không ổn định
- C. Có chung nguồn gốc
- D. Có tính di truyền không ổn định.

Câu 32: Giống vật nuôi phải có đặc điểm gì ?

- A. Phải có số lượng đảm bảo để nhân giống
- B. Di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau
- C. Không quy định về số lượng nhưng phải di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau
- D. Số lượng đảm bảo để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau

Câu 33: Giống vật nuôi là gì ?

- A. Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người
- B. Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của thiên nhiên
- C. Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người
- D. Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của máy móc.

Câu 34: Một trong các điều kiện để một nhóm vật nuôi được công nhận là giống vật nuôi là?

- A. Các đặc điểm về ngoại hình và năng suất khác nhau
- B. Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận
- C. Có một số lượng cá thể không ổn định
- D. Ngoại hình và năng suất giống nhau không phân biệt với giống khác.

Câu 35: Chọn phát biểu đúng về công tác giống vật nuôi.

- A. Để nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cần làm tốt công tác việc chọn lọc và nhân giống để tạo ra các giống vật nuôi có năng suất và chất lượng ngày càng tốt hơn.
- B. Công tác giống vật nuôi trong chăn nuôi là không cần thiết
- C. Chỉ cần chọn lọc tạo ra một giống vật nuôi tốt nhất
- D. Giống vật nuôi cho năng suất cao không cần thay thế trong tương lai.

Câu 36: Nhiệm vụ cơ bản của công tác giống là?

- A. Chọn lọc giống vật nuôi
- B. Chọn lọc và nhân giống vật nuôi
- C. Nuôi dưỡng giống vật nuôi
- D. Tạo ra giống vật nuôi có năng suất cao.

Câu 37: Ngoài yếu tố giống, năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi không bị tác động bởi nhiều yếu tố nào?

- A. Môi trường sống
- B. Chế độ dinh dưỡng
- C. Cách quản lý và nuôi dưỡng

D. Thời gian nuôi dưỡng.

Câu 38: Vai trò của giống trong chăn nuôi là?

- A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.
- B. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
- C. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
- D. Giống chỉ quyết định đến năng suất chăn nuôi.

Câu 39: “Trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, dê Bách Thảo cho sản lượng sữa thấp hơn dê Alpine” thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi:

- A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.
- B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt
- C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao
- D. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Câu 40: “Giống lợn Landrace có tỉ lệ thịt nạc cao trong khi đó lợn I lại có tỉ lệ nạc thấp, tỉ lệ mỡ cao” thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi.

- A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.
- B. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
- C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt
- D. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao

Câu 41: Chọn phát biểu đúng

- A. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao
- B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt
- C. Trong cùng một điều kiện chăm sóc, các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho ra năng suất như nhau.
- D. Trong cùng một điều kiện chăm sóc, các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho ra năng suất khác nhau.

Câu 42: Đặc điểm của giống vịt cỏ là?

- A. Bộ lông của vịt có màu đen. Vịt có tầm vóc nhỏ bé, nhanh nhẹn, dễ nuôi. Vịt có cho năng suất trứng khá cao.
- B. Bộ lông của vịt có có nhiều màu khác nhau. Vịt có tầm vóc nhỏ bé, nhanh nhẹn, dễ nuôi. Vịt có cho năng suất trứng khá cao.
- C. Bộ lông của vịt có có nhiều màu khác nhau. Vịt có thân hình to, nhanh nhẹn, dễ nuôi. Vịt có cho năng suất trứng khá cao.
- D. Bộ lông của vịt có có nhiều màu khác nhau. Vịt có tầm vóc nhỏ bé. Vịt có cho năng suất trứng khá cao. Nhưng kén thức ăn.

Câu 43: Đặc điểm cơ bản của giống Lợn Móng Cái là?

- A. Lợn có đầu màu đen, có điểm trắng giữa trán, lưng và mông có màng đen kéo dài hình yên ngựa, đầu to, miệng nhỏ dài, tai nhỏ và nhọn, lưng võng, bụng hơi xệ
- B. Lợn có lông màu đen, có điểm trắng giữa trán, lưng và mông có màng đen kéo dài hình yên ngựa, đầu to, miệng nhỏ dài, tai nhỏ và nhọn, lưng võng, bụng hơi xệ
- C. Lợn lông màu trắng, lưng và mông có màng đen kéo dài hình yên ngựa, đầu to, miệng nhỏ dài, tai nhỏ và nhọn, lưng võng, bụng hơi xệ
- D. Lợn có lông vàng nhạt, lưng và mông có màng đen kéo dài hình yên ngựa, đầu to, miệng nhỏ dài, tai nhỏ và nhọn, lưng thẳng, bụng hơi xệ.

Câu 44: Hãy so sánh năng suất và chất lượng sản phẩm của vật nuôi trong bảng sau

Giống vật nuôi	Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm
Gà Ri	Năng suất trứng đạt 90 - 120 quả/mái/năm
Gà Leghorn	Năng suất trứng đạt 240 - 260 quả/mái/năm
Trâu Việt Nam	Hàm lượng mỡ sữa chiếm 9 - 12%
Trâu Murrah	Hàm lượng mỡ sữa chiếm 7 - 9%

- A. hàm lượng mỡ sữa của trâu Việt Nam thấp hơn so với trâu Murrah.
- B. năng suất trứng của gà Leghorn cao hơn gấp ba so với gà Ri.
- C. năng suất trứng của gà Leghorn cao hơn gấp đôi so với gà Ri.
- D. hàm lượng mỡ sữa của trâu Việt Nam cao hơn gấp đôi so với trâu Murrah.

Câu 45: Cho bảng sau

Giống vật nuôi	Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm
Gà Ri	Năng suất trứng đạt 90 - 120 quả/mái/năm

Gà Leghorn	Năng suất trứng đạt 240 - 260 quả/mái/năm
Gà Mía	Năng suất trứng đạt 70 - 100 quả/mái/năm
Gà Ai Cập	Năng suất trứng đạt 200 - 220 quả/mái/năm

Nếu nuôi gà để lấy trứng em sẽ chọn loại gà nào ?

- A. Gà Ri B. Gà Ai Cập
C. Gà Leghorn D. Gà Mía

Câu 46: Cho bảng sau

Giống vật nuôi	Năng suất hoặc chất lượng sản phẩm
bò sữa HF	Năng suất sữa từ 5000 - 8000 kg / chu kỳ
bò sữa Jersey thuần chủng	Năng suất sữa từ 4000 kg/ chu kỳ
Bò sữa lai HF	Năng suất sữa từ 3500 - 4200 kg/ chu kỳ.
Bò Brown Swiss	Năng suất sữa từ 3500 - 4000 kg/ chu kỳ.

Nếu nuôi bò để lấy sữa, em sẽ chọn giống bò nào

- A. Brown Swiss
B. Bò lai HF
C. Jersey
D. Bò sữa HF

Câu 47: Ngoại hình của vật nuôi là gì ?

- A. Là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi
B. Là đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống
C. Là sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.
D. Mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật

Câu 48: Vai trò của chon giống vật nuôi là gì ?

- A. Chọn ra những con vật có gen ưu tú từ đó cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm ở đời sau.
- B. Chọn ra những con vật có gen trội từ đó cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm ở đời sau.
- C. Chọn ra những con vật có tính trạng tốt từ đó cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm ở đời sau.
- D. Chọn ra những con vật có tính trạng xấu để loại bỏ.

Câu 49: Làm thế nào người ta có thể nâng cao được năng suất của lợn Landrace?

- A. Chọn ra con cái có tính trạng tốt nhất và con đực có tính trạng tốt nhất trong đàn
B. Chọn ra hai con lợn khác giới bất kì.
C. Loại bỏ những con lợn có biểu hiện bệnh tật hoặc năng suất kém
D. Cho lai tạo với giống khác

Câu 50: Trong những giải pháp sau, đâu không phải là giải pháp để tăng năng suất cho lợn ở những thế hệ sau?

- A. Chọn giống lợn có năng suất cao
B. Loại bỏ những con lợn có năng suất thấp.
C. Áp dụng phương pháp nuôi chuồng trại công nghệ cao
D. Chăm sóc, dinh dưỡng và điều trị bệnh tốt

Câu 51: Thế nào là chọn giống vật nuôi?

- A. Là xác định chọn những con (chỉ con đực) có tiềm năng di truyền vượt trội về một hay nhiều tính trạng mong muốn để làm giống (sinh sản)

B. Là xác định chọn những con (chỉ con cái) có tiềm năng di truyền vượt trội về một hay nhiều tính trạng mong muốn để làm giống (sinh sản)

C. Là xác định chọn những con (đực và cái) có tiềm năng di truyền vượt trội về một hay nhiều tính trạng mong muốn để làm giống (sinh sản)

D. Chọn ngẫu nhiên nhiều con.

Câu 52: Ý nào sau đây không phải tiêu chí chọn giống vật nuôi ?

A. Ngoại hình, thể chất

B. Khả năng sinh trưởng, phát dục

C. Khả năng sinh sản

D. Năng suất và chất lượng sản phẩm

Câu 53: Chọn vật nuôi làm giống nên chọn thể nào?

A. Chọn một con bất kì trong đàn

B. Chọn một con có tiềm năng di truyền xấu

C. Chọn những con có tính trạng tốt nhiều hơn tính trạng xấu

D. Chọn những con có tiềm năng di truyền vượt trội với những tính trạng mong muốn.

Câu 54: Các chỉ tiêu về ngoại hình của bò bao gồm?

A. Hình dáng, màu lông, mào mỏ

B. Tầm vóc, màu lông, cổ, sừng, yếm

C. Hình dáng tai, kiểu và màu sắc mào...

D. Hình dáng, màu lông, bụng, tai, mõm

Câu 55: Sinh trưởng là gì ?

A. Là sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.

B. Là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật.

C. Là đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống

D. Mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật

Câu 56: Điều không phải là một trong số các chỉ tiêu để đánh giá sinh trưởng của vật nuôi?

A. Khối lượng cơ thể qua các giai đoạn

B. Kích thước cơ thể

C. Tốc độ tăng khối lượng

D. Hiệu quả sử dụng thức ăn

Câu 57: Thể chất là gì?

A. Mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật

B. Là sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.

C. Là đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống

D. Là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật.

Câu 58: Điều không phải là một trong số các biểu hiện của thể chất?

A. Hiệu quả sử dụng thức ăn

B. Kích thước cơ thể

C. Tốc độ lớn

D. Sức khỏe

Câu 59: Chọn phát biểu sai trong các câu sau

A. Thông qua ngoại hình có thể phân biệt được giống này với giống khác

B. Thông qua ngoại hình có thể nhận biết được tình trạng sức khỏe của vật nuôi

C. Thông qua ngoại hình có thể nhận biết được tình trạng sinh sản của vật nuôi

D. Thông qua ngoại hình có thể nhận biết được hướng sản xuất của vật nuôi

Câu 60: Phát dục là gì ?

A. Là đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống

B. Mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật

C. Là quá trình biến đổi chất lượng các cơ quan bộ phận của cơ thể

D. Là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật.

Câu 61: Năng suất là gì ?

- A. Là quá trình biến đổi chất lượng các cơ quan bộ phận trong cơ thể
- B. Là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật.
- C. Mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật
- D. Là sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.

Câu 62: Chất lượng sản phẩm không được đánh giá theo các tiêu chí nào ?

- A. Màu sắc
- B. Số lượng
- C. Mùi vị
- D. Hàm lượng dinh dưỡng

Câu 63: Lai giống là gì?

- A. Là phương pháp dùng những cá thể đực và cá thể cái của cùng một giống cho giao phối với nhau để tạo ra thế hệ con chỉ mang những đặc điểm của một giống ban đầu duy nhất
- B. Là phương pháp thụ tinh nhân tạo từ trứng và tinh trùng của vật nuôi cùng một giống
- C. Là phương pháp dùng những cá thể đực và cá thể cái khác giống cho giao phối với nhau để tạo ra con lai mang đặc điểm di truyền mới của bố mẹ.
- D. Là phương pháp cho 2 cá thể đực và cá thể cái của cùng giống giao phối với nhau.

Câu 64: Các phương pháp nhân giống vật nuôi gồm:

- A. Nhân giống thuần chủng
- B. Lai giống
- C. Nhân giống thuần chủng và lai giống
- D. Chọn lọc giống

Câu 65: Nhân giống thuần chủng là gì?

- A. Là phương pháp dùng những cá thể đực và cá thể cái của cùng một giống cho giao phối với nhau để tạo ra thế hệ con chỉ mang những đặc điểm của một giống ban đầu duy nhất
- B. Là phương pháp thụ tinh nhân tạo từ trứng và tinh trùng của vật nuôi cùng một giống
- C. Là phương pháp dùng những cá thể đực và cá thể cái khác giống cho giao phối với nhau để tạo ra con lai mang đặc điểm di truyền mới của bố mẹ
- D. Là phương pháp cho 2 cá thể đực và cá thể cái của cùng giống giao phối với nhau để tạo ra thế hệ con có đặc tính di truyền tốt hơn bố mẹ.

Câu 66: Lai kinh tế là gì ?

- A. Là lai giữa các cá thể của hai loài khác nhau với mục đích tạo ra ưu thế lai với những đặc điểm tốt hơn bố mẹ.
- B. Là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn
- C. Là phương pháp lai khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến
- D. Là phương pháp lai giữa các cá thể giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.

Câu 67: Trong các ý sau, hãy chỉ ra mục đích của lai giống?

- A. Tăng số lượng cá thể của giống
- B. Bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng
- C. Nhận được ưu thế lai làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con, nhằm tăng hiệu quả chăn nuôi.
- D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống

Câu 68: Ý nào sau đây không phải mục đích của nhân giống thuần chủng?

- A. Nhận được ưu thế lai làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con, nhằm tăng hiệu quả chăn nuôi.
- B. Tăng số lượng cá thể của giống
- C. Bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng

D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống

Câu 69: Nhân giống thuần chủng cần tránh điều gì?

A. Tuổi của giống vật nuôi

B. Giao phối cận huyết

C. Tránh nhân giống quá nhiều

D. Nhằm duy trì đặc tính của giống

Câu 70: Ý nào sau đây không phải mục đích của nhân giống thuần chủng?

A. Nhận được ưu thế lai làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con, nhằm tăng hiệu quả chăn nuôi.

B. Tăng số lượng cá thể của giống

C. Bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng

D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống

Câu 71: Trong các ý sau, hãy chỉ ra mục đích của lai giống?

A. Tăng số lượng cá thể của giống

B. Bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng

C. Nhận được ưu thế lai làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con, nhằm tăng hiệu quả chăn nuôi.

D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống

Câu 72: Phát biểu nào là không đúng:

A. Lai cải tạo thường được dùng để cải tạo giống địa phương có năng suất thấp nhưng thích nghi tốt với điều kiện sinh thái ở địa phương.

B. Trong lai cải tiến, người ta chọn một giống mang đặc điểm tốt (giống đang cải tiến) đi lai với giống đang chưa hoàn thiện (giống cần cải tiến)

C. Giống được tạo ra từ phương pháp lai xa thường không có khả năng sinh sản.

D. Lai giống là phương pháp cho 2 cá thể đực và cá thể cái của cùng giống giao phối với nhau để tạo ra thế hệ con có đặc tính di truyền tốt hơn bố mẹ.

Câu 73: Lai cải tiến là gì ?

A. Là phương pháp lai khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến

B. Là phương pháp lai giữa các cá thể khác giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.

C. Là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn.

D. Là phương pháp lai giữa 2 cá thể cùng giống

Câu 74: Lai xa là gì ?

A. Là phương pháp lai giữa các cá thể khác giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.

B. Là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn

C. Là lai giữa các cá thể của hai loài khác nhau với mục đích tạo ra ưu thế lai với những đặc điểm tốt hơn bố mẹ.

D. Là phương pháp lai khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến

Câu 75: “Vịt Mulard là con lai được lai giữa ngan nhà và vịt nhà, tuy không có khả năng sinh sản nhưng có ưu thế lai siêu trội so với bố, mẹ như lớn nhanh, thịt thơm ngon hơn thịt vịt, tỉ lệ mỡ thấp” giống vật nuôi được nói trên là kết quả của phương pháp lai nào?

A. Lai cải tiến

B. Lai kinh tế

C. Lai thuần chủng

D. Lai xa

Câu 76: “Lai giữa lợn đực ngoại Yorkshire với lợn cái Móng Cái để tạo ra con lai F1 có khả năng sinh trưởng nhanh, tỉ lệ nạc cao và thích nghi với điều kiện chăn nuôi của Việt Nam.” là ví dụ về phương pháp lai nào?

- A. Lai cải tiến
- B. Lai thuần chủng
- C. Lai kinh tế phức tạp
- D. Lai kinh tế đơn giản

Câu 77: Đặc điểm nào không phải là đặc điểm của phương pháp lai cải tạo?

- A. Giống đi cải tiến chỉ được dùng một lần để tạo con lai F1
- B. Con lai F1 lai trở lại với giống cần cải tiến một hoặc nhiều lần. Trong quá trình này tiến hành đánh giá các đặc điểm đang muốn cải tiến, chọn lọc những cá thể đạt yêu cầu.
- C. Chỉ dùng những vật nuôi cùng giống để lai tạo.
- D. Giống cải tiến (con lai) cơ bản giữ được đặc điểm của giống và được bổ sung thêm đặc điểm cần có của giống đi cải tiến.

Câu 78: “Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F1, sau đó con mái F1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F2 (Mía x Hồ x Phượng) là giống gà thịt lông màu thả vườn”. Đây là ví dụ về phương pháp lai nào?

- A. Lai kinh tế phức tạp
- B. Lai kinh tế đơn giản
- C. Lai cải tiến
- D. Lai thuần chủng

Câu 79: “Giống lợn Pietrain của Bỉ có khả năng sinh trưởng tốt, tỉ lệ nạc cao, tuy nhiên con vật thường hay bị stress, chất lượng thịt kém. Để khắc phục tình trạng này, người ta thực hiện lai cải tiến lợn Pietrain với lợn Yorkshire sau đó liên tiếp qua 16 thế hệ lai trở lại với lợn Pietrain cuối cùng tạo được con lai không mắc cảm với stress và cải tiến được chất lượng thịt”. Đây là ví dụ của phương pháp lai nào?

- A. Lai kinh tế
- B. Lai cải tạo
- C. Lai cải tiến
- D. Lai xa

Câu 80: Cây truyền phôi là gì ?

- A. Là công nghệ hỗ trợ sinh sản bằng cách lấy tinh dịch từ con đực để pha loãng và bơm vào đường sinh dục của con cái.
- B. Là quá trình trứng và tinh trùng được kết hợp với nhau trong môi trường ống nghiệm
- C. Là việc sử dụng kỹ thuật nhân bản từ tế bào sinh dưỡng để tạo ra vật nuôi.
- D. Là quá trình đưa phôi từ các thể cái này vào cá thể cái khác, phôi vẫn sống và phát triển bình thường trong cơ thể nhận phôi

Câu 81: Thụ tinh trong ống nghiệm là gì?

- A. Là quá trình đưa phôi từ các thể cái này vào cá thể cái khác, phôi vẫn sống và phát triển bình thường trong cơ thể nhận phôi
- B. Là công nghệ hỗ trợ sinh sản bằng cách lấy tinh dịch từ con đực để pha loãng và bơm vào đường sinh dục của con cái.
- C. Là quá trình trứng và tinh trùng được kết hợp với nhau trong môi trường ống nghiệm.
- D. Là việc sử dụng kỹ thuật nhân bản từ tế bào sinh dưỡng để tạo ra vật nuôi.

Câu 82: Các công nghệ sinh học được ứng dụng trong nhân giống vật nuôi bao gồm?

- A. Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cây truyền phôi, nhân bản vô tính.
- B. Cây truyền phôi, thụ tinh trong ống nghiệm, xác định giới tính của phôi, chỉ thị phân tử
- C. Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cây truyền phôi, nhân bản gen
- D. Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cây truyền phôi, cây truyền ADN.

Câu 83: Đây là ưu điểm của thụ tinh nhân tạo?

- A. Phổ biến những đặc điểm tốt của con đực giống cho đàn con
- B. Giảm số lượng và thời gian sử dụng đực giống

C. Giảm số lượng và thời gian sử dụng đực giống, đàn con mang đặc điểm tốt của đực giống

D. Giảm số lượng và thời gian sử dụng đực giống, đàn con mang đặc điểm tốt của cái giống

Câu 84: Chọn phát biểu sai:

A. Nhân bản vô tính được ứng dụng trong công tác bảo tồn và phát triển các giống vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng.

B. Cây truyền phôi có ý nghĩa trong công tác bảo tồn vật nuôi quý hiếm.

C. Thụ tinh trong ống nghiệm có tác dụng tạo ra nhiều phôi, phổ biến nhanh những đặc điểm di truyền tốt của vật nuôi.

D. Nhược điểm của thụ tinh nhân tạo là khó phòng tránh được các bệnh về đường sinh dục và các bệnh truyền nhiễm qua đường sinh dục.

Câu 85: Cho các ý sau:

1. Cấy phôi vào cơ thể vật nuôi

2. Hút trứng từ buồng trứng của con cái, nuôi trứng trưởng thành

3. Cho trứng và tinh trùng thụ tinh

4. Lấy tinh trùng từ con đực

5. Nuôi cấy phôi

6. Nuôi cấy trứng trong phòng thí nghiệm

Sắp xếp thứ tự đúng các công việc cần làm để tiến hành thụ tinh trong ống nghiệm.

A. 2; 4; 6; 3; 5; 1

B. 2; 6; 4; 3; 5; 1

C. 2; 3; 4; 5; 6; 1

D. 1; 6; 4; 3; 5; 2

Câu 86: Ý nghĩa của thụ tinh trong ống nghiệm:

A. Tăng số lượng con sinh ra từ một con cái giống cao sản.

B. Có khả năng tạo ra nhiều phôi

C. Tăng hiệu quả của công nghệ cấy truyền phôi khi xác định được giới tính trước khi cấy.

D. Rút ngắn thời gian chọn tạo giống mới.

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

- Phân loại được các vật nuôi của địa phương vào các nhóm phù hợp theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng.

- Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi ở gia đình và địa phương.

- Đánh giá được sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.

- Đề xuất được phương pháp chọn giống vật nuôi phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và mục đích cụ thể.

- Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học ứng dụng trong chọn giống vật nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương.

- Đề xuất được phương pháp nhân giống vật nuôi phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và mục đích cụ thể.

- Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học ứng dụng trong nhân giống vật nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương.
